

THÔNG BÁO

**Danh mục thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực quản lý, giải quyết
của Sở Y tế thực hiện không phụ thuộc địa giới hành chính
trên địa bàn tỉnh Quảng Trị**

Thực hiện Quyết định số 2989/QĐ-UBND ngày 09/12/2025 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc phê duyệt Danh mục thủ tục hành chính thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Sở Y tế thông báo đến các sở, ban, ngành, hội, đoàn thể cấp tỉnh; UBND các xã, phường, đặc khu; các tổ chức, cá nhân được biết Danh mục thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực quản lý, giải quyết của Sở Y tế thực hiện không phụ thuộc địa giới hành chính trên địa bàn tỉnh tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và Trung tâm hành chính công cấp xã trên địa bàn tỉnh (*có Phụ lục kèm theo*).

Sở Y tế đề nghị các sở, ban, ngành, hội, đoàn thể cấp tỉnh; cơ quan, đơn vị; UBND các xã, phường, đặc khu; các tổ chức, cá nhân quan tâm tìm hiểu, tuyên truyền và khai thác thực hiện các dịch vụ theo nhu cầu trên Cổng dịch vụ công Quốc gia tại địa chỉ <https://dichvucong.gov.vn>.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, vui lòng liên hệ Bộ phận một cửa của Sở Y tế tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh để được hướng dẫn, hỗ trợ tại: **Cơ sở 1:** số 96 đường Phạm Văn Đồng, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị - điện thoại: 0232.381.2812; **Cơ sở 2:** số 45 đường Hùng Vương, phường Đông Hà, tỉnh Quảng Trị - điện thoại: 0233.363.6999; hoặc liên hệ Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND các xã, phường, đặc khu để được hướng dẫn, hỗ trợ.

Sở Y tế thông báo đề Quý cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân được biết, cùng phối hợp thực hiện./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (báo cáo);
- Các Sở, ban, ngành, hội đoàn thể;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh;
- Giám đốc, các PGĐ SYT;
- Các đơn vị trực thuộc Sở;
- Các phòng thuộc SYT;
- Cán bộ một cửa SYT cơ sở 1, 2;
- Trang Thông tin điện tử Sở;
- Lưu: VT, VP.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Xuân Dũng

Phụ lục
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC LĨNH VỰC
GIẢI QUYẾT CỦA SỞ Y TẾ THỰC HIỆN KHÔNG PHỤ THUỘC
ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG TRỊ
(Kèm theo Công văn số /SYT-VP ngày /12/2025 của Sở Y tế QT)

1. Danh mục TTHC cấp tỉnh

STT	Tên Dịch vụ công trực tuyến	DVC TT toàn trình	DVC TT một phần	Mã TTHC
	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH	55	84	
	LĨNH VỰC DƯỠC PHẨM, MỸ PHẨM			
1	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm,		X	1.003055.H50
2	Cấp số tiếp nhận Phiếu công bố sản phẩm mỹ phẩm sản xuất trong nước,	X		1.002600.H50
3	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm,	X		1.002483.H50
4	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm,	X		1.003064.H50
5	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng,	X		1.000990.H50
6	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm trong trường hợp hết hiệu lực tại Khoản 2 Điều 21 Thông tư số 09/2015/TT-BYT,	X		1.000793.H50
7	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm khi có thay đổi về tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm và không thay đổi nội dung quảng cáo,	X		1.000662.H50
8	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm,	X		1.003073.H50
9	Cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với mỹ phẩm sản xuất trong nước để xuất khẩu,	X		1.009566.H50
10	Cấp phép nhập khẩu thuốc thuộc hành lý cá nhân của tổ chức, cá nhân nhập cảnh gửi theo vận tải đơn, hàng hóa mang theo người của tổ chức, cá nhân nhập cảnh để điều trị bệnh cho bản thân người nhập cảnh		X	1.014090.H50

STT	Tên Dịch vụ công trực tuyến	DVC TT toàn trình	DVC TT một phần	Mã TTHC
11	Cấp Chứng chỉ hành nghề dược (bao gồm cả trường hợp cấp Chứng chỉ hành nghề dược cho người bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề dược theo quy định tại các khoản 1, 2, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11 Điều 28 của Luật Dược) theo hình thức xét hồ sơ		X	1.014092.H50
12	Cấp Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ trong trường hợp Chứng chỉ hành nghề dược bị ghi sai do lỗi của cơ quan cấp Chứng chỉ hành nghề dược		X	1.014099.H50
13	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ (trường hợp bị hư hỏng hoặc bị mất)		X	1.014100.H50
14	Điều chỉnh nội dung Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ		X	1.014101.H50
15	Thông báo hoạt động bán lẻ thuốc lưu động		X	1.014102.H50
16	Cấp lại, điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền)		X	1.014104.H50
17	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền)		X	1.014076.H50
18	Thẩm định điều kiện về cơ sở vật chất, kỹ thuật, nhân sự và đánh giá đáp ứng thực hành tốt đối với cơ sở có hoạt động phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc không vì mục đích thương mại (trường hợp cơ sở có đề nghị); Đánh giá định kỳ; Kiểm soát thay đổi về điều kiện cơ sở vật chất, kỹ thuật, nhân sự đối với cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc, cơ sở bán lẻ thuốc.		X	1.014203.H50

STT	Tên Dịch vụ công trực tuyến	DVC TT toàn trình	DVC TT một phần	Mã TTHC
19	Kiểm soát thay đổi khi có thay đổi thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm d, đ và e Khoản 1 Điều 11 Thông tư 04/2018/TT-BYT.		X	1.003068.H50
20	Cho phép mua thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, thuốc dạng phối hợp có chứa tiền chất thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh		X	1.014087.H50
21	Công bố cơ sở kinh doanh có tổ chức kê thuốc		X	1.014069.H50
22	Cấp phép xuất khẩu thuốc phải kiểm soát đặc biệt thuộc hành lý cá nhân của tổ chức, cá nhân xuất cảnh gửi theo vận tải đơn, hàng hóa mang theo người của tổ chức, cá nhân xuất cảnh để điều trị bệnh cho bản thân người xuất cảnh và không phải là nguyên liệu làm thuốc phải kiểm soát đặc biệt		X	1.014105.H50
23	Cho phép nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc có hạn dùng còn lại tại thời điểm thông quan ngắn hơn quy định		X	1.014078.H50
24	Xác nhận Đơn hàng nhập khẩu mỹ phẩm dùng cho nghiên cứu, kiểm nghiệm	X		1.002238.H50
25	Cung cấp thuốc phóng xạ	X		1.001396.H50
	LĨNH VỰC Y TẾ DỰ PHÒNG			
26	Công bố cơ sở đủ điều kiện sản xuất chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế,	X		1.002944.H50
27	Công bố cơ sở đủ điều kiện cung cấp dịch vụ diệt côn trùng, diệt khuẩn trong lĩnh vực gia dụng và y tế bằng chế phẩm,	X		1.002467.H50
28	Thủ tục công bố cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp I, cấp II,	X		1.003580.H50
29	Công bố cơ sở đủ điều kiện tiêm chủng,	X		2.000655.H50
30	Xác định trường hợp được bồi thường khi xảy ra tai biến trong tiêm chủng,	X		1.001386.H50
31	Cấp thẻ nhân viên tiếp cận cộng đồng	X		1.013034.H50

STT	Tên Dịch vụ công trực tuyến	DVC TT toàn trình	DVC TT một phần	Mã TTHC
32	Thu hồi Thẻ nhân viên tiếp cận cộng đồng đối với trường hợp nhân viên tiếp cận cộng đồng không tiếp tục tham gia thực hiện các biện pháp can thiệp giảm tác hại trong dự phòng lây nhiễm HIV,	X		1.013035.H50
33	Công bố cơ sở đủ điều kiện điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế,	X		1.013036.H50
34	Hủy hồ sơ công bố đủ điều kiện điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế,	X		1.013037.H50
35	Công bố đủ điều kiện thực hiện khảo nghiệm chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	X		1.004062.H50
36	Công bố đủ điều kiện thực hiện kiểm nghiệm chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	X		1.004070.H50
37	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	X		1.002564.H50
38	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng	X		1.001189.H50
39	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế trong trường hợp hết hiệu lực tại Khoản 2 Điều 21 Thông tư số 09/2015/TT-BYT	X		1.001178.H50
40	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế khi có thay đổi về tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm và không thay đổi nội dung quảng cáo	X		1.001114.H50
41	Đăng ký lưu hành mới chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế		X	1.013866.H50
42	Gia hạn số đăng ký lưu hành chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế		X	1.013874.H50

STT	Tên Dịch vụ công trực tuyến	DVC TT toàn trình	DVC TT một phần	Mã TTHC
43	Đăng ký lưu hành bổ sung do thay đổi quyền sở hữu số đăng ký lưu hành chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế		X	1.013887.H50
44	Đăng ký lưu hành bổ sung do đổi tên chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế		X	1.013891.H50
45	Đăng ký lưu hành bổ sung do thay đổi địa điểm cơ sở sản xuất, thay đổi cơ sở sản xuất chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế		X	1.013895.H50
46	Đăng ký lưu hành bổ sung do thay đổi tên, địa chỉ liên lạc của đơn vị đăng ký, đơn vị sản xuất chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế		X	1.013867.H50
47	Đăng ký lưu hành bổ sung do thay đổi tác dụng, liều lượng sử dụng, phương pháp sử dụng, hàm lượng hoạt chất, hàm lượng phụ gia cộng hưởng, dạng chế phẩm, hạn sử dụng, nguồn hoạt chất		X	1.013868.H50
48	Đăng ký cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký lưu hành chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế		X	1.013870.H50
49	Thông báo thay đổi nội dung, hình thức nhãn chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế		X	1.013872.H50
50	Cấp giấy phép nhập khẩu chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế để nghiên cứu		X	1.013875.H50
51	Cấp giấy phép nhập khẩu chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế phục vụ mục đích viện trợ		X	1.013880.H50
52	Cấp giấy phép nhập khẩu chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế là quà biếu, cho, tặng		X	1.013881.H50
53	Cấp giấy phép nhập khẩu chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế do trên thị trường không có sản phẩm hoặc phương pháp sử dụng phù hợp với nhu		X	1.013883.H50

STT	Tên Dịch vụ công trực tuyến	DVC TT toàn trình	DVC TT một phần	Mã TTHC
	cầu của tổ chức, cá nhân xin nhập khẩu			
54	Cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế xuất khẩu		X	1.013886.H50
55	Sửa đổi, bổ sung, cấp lại giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế xuất khẩu		X	1.013889.H50
56	Đình chỉ lưu hành, thu hồi số đăng ký lưu hành chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế		X	1.013892.H50
57	Cấp Giấy Tiếp nhận bản công bố hợp quy dựa trên kết quả chứng nhận hợp quy của tổ chức chứng nhận hợp quy được chỉ định (bên thứ ba) đối với thuốc lá		X	1.013896.H50
58	Cấp Giấy Tiếp nhận bản công bố hợp quy dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thuốc lá (bên thứ nhất)		X	1.013898.H50
59	Cấp lại giấy tiếp nhận bản công bố hợp quy đối với thuốc lá		X	1.013894.H50
60	Cấp mới giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện xét nghiệm khẳng định HIV dương tính		X	1.013869.H50
61	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện xét nghiệm khẳng định HIV dương tính	X		1.013873.H50
62	Điều chỉnh giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện xét nghiệm khẳng định HIV dương tính	X		1.013879.H50
63	Cấp mới giấy chứng nhận cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp III		X	1.013878.H50
64	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp III do hết hạn		X	1.013884.H50
65	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp III do bị hỏng, bị mất		X	1.013893.H50
66	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp III do thay đổi tên của cơ sở xét nghiệm		X	1.013865.H50
67	Cấp Giấy chứng nhận bị nhiễm HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp	X		1.013864.H50

STT	Tên Dịch vụ công trực tuyến	DVC TT toàn trình	DVC TT một phần	Mã TTHC
68	Cấp Giấy chứng nhận bị phơi nhiễm với HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp	X		1.013860.H50
69	Công bố đủ điều kiện thực hiện hoạt động quan trắc môi trường lao động	X		1.013890.H50
	LĨNH VỰC KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH			
70	Công bố cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành	X		1.012256.H50
71	Đăng ký hành nghề,	X		1.012275.H50
72	Thu hồi giấy phép hành nghề trong trường hợp quy định tại điểm i khoản 1 Điều 35 Luật Khám bệnh, chữa bệnh,		X	1.012276.H50
73	Công bố đủ điều kiện thực hiện khám bệnh, chữa bệnh từ xa,	X		1.012260.H50
74	Đề nghị thực hiện thí điểm khám bệnh, chữa bệnh từ xa	X		1.012261.H50
75	Xếp cấp chuyên môn kỹ thuật	X		1.012262.H50
76	Cấp mới giấy phép hành nghề trong giai đoạn chuyển tiếp đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng,		X	1.012289.H50
77	Cấp lại giấy phép hành nghề đối với trường hợp được cấp trước ngày 01 tháng 01 năm 2024 đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng,		X	1.012290.H50
78	Gia hạn giấy phép hành nghề trong giai đoạn chuyển tiếp đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên		X	1.012291.H50

STT	Tên Dịch vụ công trực tuyến	DVC TT toàn trình	DVC TT một phần	Mã TTHC
	ngoại viện, tâm lý lâm sàng,			
79	Điều chỉnh giấy phép hành nghề trong giai đoạn chuyển tiếp đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng,		X	1.012292.H50
80	Gia hạn giấy phép hành nghề đối với chức danh chuyên môn là lương y, người có bài thuốc gia truyền hoặc có phương pháp chữa bệnh gia truyền,		X	1.012273.H50
81	Công bố đủ điều kiện thực hiện khám sức khỏe, khám và điều trị HIV/AIDS,	X		1.012281.H50
82	Cho phép tổ chức đoàn khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo theo đợt, khám bệnh, chữa bệnh lưu động thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 79 Luật Khám bệnh, chữa bệnh hoặc cá nhân khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo,	X		1.012257.H50
83	Cho phép người nước ngoài vào Việt Nam chuyển giao kỹ thuật chuyên môn về khám bệnh, chữa bệnh hoặc hợp tác đào tạo về y khoa có thực hành khám bệnh, chữa bệnh,	X		1.012258.H50
84	Cấp mới giấy phép hành nghề đối với chức danh chuyên môn là lương y, người có bài thuốc gia truyền hoặc có phương pháp chữa bệnh gia truyền		X	1.012271.H50
85	Cấp lại giấy phép hành nghề đối với chức danh chuyên môn là lương y, người có bài thuốc gia truyền hoặc có phương pháp chữa bệnh gia truyền		X	1.012272.H50
86	Cấp mới giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh		X	1.012278.H50
87	Cấp lại giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh		X	1.012279.H50
88	Điều chỉnh giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh		X	1.012280.H50
89	Cấp lại Giấy phép hoạt động đối với trạm,			1.006780.H50

STT	Tên Dịch vụ công trực tuyến	DVC TT toàn trình	DVC TT một phần	Mã TTHC
	điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ do mất, rách, hỏng		X	
	LĨNH VỰC BẢO TRỢ XÃ HỘI			
*	Cấp tỉnh			
90	Quyết định công nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật	X		1.001806.H50
91	Thủ tục đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung, cấp lại giấy chứng nhận đăng ký thành lập và giải thể cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập	X		1.013814.H50
92	Cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội	X		1.013815.H50
93	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hành nghề công tác xã hội	X		1.013817.H50
94	Thủ tục thành lập, tổ chức lại, giải thể cơ sở trợ giúp xã hội công lập thuộc UBND cấp tỉnh, cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh	X		1.013820.H50
95	Đăng ký hành nghề công tác xã hội tại Việt Nam đối với người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài	X		1.012993.H50
96	Cấp giấy xác nhận quá trình thực hành công tác xã hội			1.012990.H50
*	Liên thông cấp tỉnh, cấp xã			
97	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào trợ giúp xã hội	X		2.000286.H50
98	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội	X		2.000282.H50
99	Dừng trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh	X		2.000477.H50
	LĨNH VỰC PHÒNG, CHỐNG TỆ NẠN XÃ HỘI			
100	Cấp giấy phép hoạt động hỗ trợ nạn nhân		X	1.014010.H50
101	Cấp lại, sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động hỗ trợ nạn nhân		X	1.014011.H50

STT	Tên Dịch vụ công trực tuyến	DVC TT toàn trình	DVC TT một phần	Mã TTHC
102	Cấp giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân		X	2.000025.H50
103	Cấp lại, sửa đổi, bổ sung giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân		X	2.000027.H50
104	Đề nghị chấm dứt hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân		X	1.000091.H50
*	<i>Liên thông cấp tỉnh, cấp xã</i>			
105	Thủ tục hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân		X	2.001661.H50
	LĨNH VỰC TRẺ EM			
*	<i>Liên thông cấp tỉnh, cấp xã</i>			
106	Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em	X	x	1.004946.H50
107	Chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em	X	x	1.004944.H50
	LĨNH VỰC THIẾT BỊ Y TẾ			
108	Cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với thiết bị y tế loại A, B		X	3.000448.H50
109	Tiếp tục cho lưu hành thiết bị y tế trong trường hợp chủ sở hữu thiết bị y tế không tiếp tục sản xuất hoặc phá sản, giải thể đối với thiết bị y tế loại A, B		X	3.000447.H50
110	Công bố đối với nguyên liệu sản xuất thiết bị y tế, chất ngoại kiểm chứa chất ma túy và tiền chất		X	3.000449.H50
111	Công bố đủ điều kiện sản xuất thiết bị y tế	X		1.003006.H50
112	Công bố đủ điều kiện mua bán thiết bị y tế thuộc loại B, C, D	X		1.003039.H50
113	Công bố tiêu chuẩn áp dụng Sở Y tế đối với thiết bị y tế thuộc loại A, B	X		1.003029.H50
	LĨNH VỰC TỔ CHỨC CÁN BỘ			
114	Bổ nhiệm giám định viên pháp y và pháp y tâm thần		X	1.013871.H50

STT	Tên Dịch vụ công trực tuyến	DVC TT toàn trình	DVC TT một phần	Mã TTHC
115	Miễn nhiệm giám định viên pháp y và pháp y tâm thần		X	1.013876.H50
	LĨNH VỰC ĐÀO TẠO VÀ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC			
116	Cấp giấy chứng nhận cơ sở giáo dục đủ điều kiện kiểm tra và công nhận biết tiếng Việt thành thạo hoặc sử dụng thành thạo ngôn ngữ khác hoặc đủ trình độ phiên dịch trong khám bệnh, chữa bệnh.		X	1.013824.H50
117	Công bố đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe đối với các cơ sở khám, chữa bệnh thuộc Sở Y tế và cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân trên địa bàn tỉnh		X	1.004539.H50
	LĨNH VỰC Y DƯỢC CỔ TRUYỀN			
118	Cấp lại giấy chứng nhận người có bài thuốc gia truyền, giấy chứng nhận người có phương pháp chữa bệnh gia truyền		X	1.012419.H50
119	Cấp giấy chứng nhận người có bài thuốc gia truyền, giấy chứng nhận người có phương pháp chữa bệnh gia truyền		X	1.012418.H50
120	Cấp lại giấy chứng nhận lương y		X	1.012417.H50
121	Cấp giấy chứng nhận lương y theo quy định cho các đối tượng quy định tại khoản 4, 5 và khoản 6 Điều 1 Thông tư số 02/2024/TT-BYT ngày 12/3/2024		X	1.012416.H50
122	Cấp giấy chứng nhận lương y theo quy định cho các đối tượng quy định tại khoản 1, 2 và khoản 3 Điều 1 Thông tư số 02/2024/TT-BYT ngày 12/3/2024		X	1.012415.H50
123	Công bố đáp ứng tiêu chuẩn chế biến, bào chế thuốc cổ truyền đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bằng y học cổ truyền		X	1.009407.H50
	LĨNH VỰC AN TOÀN THỰC PHẨM			
124	Cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với sản phẩm thực phẩm xuất khẩu thuộc quyền quản lý của Bộ Y tế,			1.013838.H50

STT	Tên Dịch vụ công trực tuyến	DVC TT toàn trình	DVC TT một phần	Mã TTHC
125	Sửa đổi, bổ sung, cấp lại giấy chứng nhận lưu hành tự do đối với sản phẩm thực phẩm xuất khẩu thuộc quyền quản lý của Bộ Y tế (CFS),			1.013847.H50
126	Đăng ký nội dung quảng cáo đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi.,	X		1.013851.H50
127	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, cơ sở sản xuất thực phẩm thuộc thẩm quyền của Bộ Y tế,			1.013855.H50
128	Đăng ký bản công bố sản phẩm nhập khẩu đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi,	X		1.013858.H50
129	Đăng ký bản công bố sản phẩm sản xuất trong nước đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi,	X		1.013862.H50
130	Chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước,		X	1.013857.H50
131	Đăng ký gia hạn chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước,		X	1.013854.H50
132	Đăng ký thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước,		X	1.013850.H50
133	Đăng ký chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm đã được tổ chức công nhận hợp pháp của Việt Nam hoặc tổ chức công nhận nước ngoài là thành viên tham gia thỏa thuận lẫn nhau của Hiệp hội công nhận phòng thí nghiệm Quốc tế, Hiệp hội công nhận phòng thí nghiệm Châu Á- Thái Bình Dương đánh giá và cấp chứng chỉ công nhận theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025 hoặc Tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025,		X	1.013844.H50
134	Miễn kiểm tra giám sát đối với cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm đã được tổ chức công nhận		X	1.013841.H50

STT	Tên Dịch vụ công trực tuyến	DVC TT toàn trình	DVC TT một phần	Mã TTHC
	hợp pháp của Việt Nam hoặc tổ chức công nhận nước ngoài là thành viên tham gia thỏa thuận lẫn nhau của Hiệp hội công nhận phòng thí nghiệm Quốc tế, Hiệp hội công nhận phòng thí nghiệm Châu Á- Thái Bình Dương đánh giá và cấp chứng chỉ công nhận theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025 hoặc Tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025,			
135	Cấp giấy chứng nhận đối với thực phẩm xuất khẩu,		X	1.013829.H50
	LĨNH VỰC DÂN SỐ, BÀ MẸ TRẺ EM			
136	Công nhận cơ sở khám bệnh, chữa bệnh được phép thực hiện kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm.		X	1.013845.H50
	LĨNH VỰC THI ĐUA, KHEN THƯỞNG			
137	Đề nghị xét tặng danh hiệu “Thầy thuốc Nhân dân”, “Thầy thuốc ưu tú” (Cấp tỉnh, cấp xã)		X	1.012422.H50
138	Xét tặng giải thưởng Hải Thượng Lãn ông về công tác y dược cổ truyền (cấp tỉnh)		X	1.009249.H50
139	Xét tặng giải thưởng Đặng Văn Ngữ trong lĩnh vực y tế dự phòng (cấp tỉnh)		X	1.009346.H50

2. Danh mục TTHC cấp xã

STT	Tên Dịch vụ công trực tuyến	DVC TT toàn trình	DVC TT một phần	Mã TTHC
	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ	11	01	
	LĨNH VỰC BẢO TRỢ XÃ HỘI			
1	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng	X		1.001776.H50
2	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội	X		1.001731.H50
3	Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn	X		2.000355.H50
4	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp hưu trí	X		1.014027.H50

	xã hội			
5	Hỗ trợ chi phí mai táng đối với đối tượng hưởng trợ cấp hưu trí xã hội	X		1.014028.H50
6	Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật	X		1.001699.H50
7	Đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật	X		1.001653.H50
	LĨNH VỰC TRẺ EM			
8	Phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt	X		2.001947.H50
9	Đăng ký nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế không phải là người thân thích của trẻ em	X		1.004941.H50
10	Thông báo nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế là người thân thích của trẻ em	X		2.001944.H50
11	Chuyển trẻ em đang được chăm sóc thay thế tại cơ sở trợ giúp xã hội đến cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế	X		2.001942.H50
	LĨNH VỰC DÂN SỐ, BÀ MẸ - TRẺ EM			
12	Xét hưởng chính sách hỗ trợ cho đối tượng sinh con đúng chính sách dân số		X	2.001088.H50